

Bản án số: **130A/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/8/2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lý Thị Tư**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Trần Minh Hiếu

2/. Bà Lê Thị Diễm Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xô P**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Số H ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh S**, sinh năm 1973. Địa chỉ: **Số H ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2024 thì nguyên đơn bà **Huỳnh Mộng K** trình bày:* Bà **Nguyễn Thị Xô P** và ông **Trần Minh S** cưới nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình sống chung ông, bà có 03 người con chung tên **Trần Thị Minh A**, sinh ngày 19/9/2000; **Trần Thị Minh T**, sinh ngày 12/10/2001; **Trần Minh Q**, sinh ngày 28/7/2006 hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2019 đến nay hai vợ chồng sống ly thân. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà Nguyễn Thị Xô P yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh S. Do 03 con chung tên Trần Thị Minh A, sinh ngày 19/9/2000; Trần Thị Minh T, sinh ngày 12/10/2001; Trần Minh Q, sinh ngày 28/7/2006 hiện đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Minh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xô P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Trần Minh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xô P và ông Trần Minh S kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng ngày 23/8/2011 nên đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Bà Nguyễn Thị Xô P cho rằng bà và ông Trần Minh S có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, bà nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông S. Còn ông Trần Minh S đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng để có cơ hội hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Xô P. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và căn cứ các quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Xô P được ly hôn với ông Trần Minh S để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Xô P và ông Trần Minh S có ba người con chung tên Trần Thị Minh A, sinh ngày 19/9/2000; Trần Thị Minh T, sinh ngày 12/10/2001; Trần Minh Q, sinh ngày 28/7/2006 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xô P và ông Trần Minh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xô P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xô P.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xô P được ly hôn với ông Trần Minh S.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các con chung Trần Thị Minh A, sinh ngày 19/9/2000; Trần Thị Minh T, sinh ngày 12/10/2001; Trần Minh Q, sinh ngày 28/7/2006 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần, bà Nguyễn Thị Xô P và ông Trần Minh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xô P và ông Trần Minh S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xô P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006095 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị Xô P đã nộp xong án phí sơ thẩm. Ông Trần Minh S không phải chịu án phí.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Hải, h. Kế Sách, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA